

Số: 353 /KH-ND

Hoài Nhơn, ngày 27 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

Về việc tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường Năm học 2024-2025

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT, ngày 16/5/2012 của Bộ GDĐT về việc Ban hành quy định về dạy thêm, học thêm;
- Căn cứ Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT, ngày 26/8/2019 của Bộ GDĐT về việc Công bố hết hiệu lực các điều 6,8,9,10,11,12,13,14 của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm;
- Căn cứ Công văn 798/SGDĐT-GDTrH, ngày 06/5/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định về việc hướng dẫn thực hiện tổ chức và quản lý dạy thêm, học thêm trong nhà trường;
- Căn cứ Công văn số 2111/SGDĐT-GDTrH ngày 08/8/2024 của Sở Giáo dục Đào tạo Bình Định về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025;
- Thực hiện Công văn số 2460/SGDĐT-GDTrH ngày 26/9/2023 của Sở GDĐT về việc tăng cường quản lý hoạt động dạy học trong nhà trường;
- Căn cứ Biên bản thống nhất trong cuộc họp CMHS ngày 29/9/2024 của các lớp đầu năm học 2024-2025;
- Trường THPT Nguyễn Du xây dựng kế hoạch tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường năm học 2024-2025 như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Việc tổ chức dạy thêm học thêm trong nhà trường nhằm củng cố, nâng cao kiến thức, kỹ năng, giáo dục nhân cách của học sinh; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và không gây nên tình trạng vượt quá sức tiếp thu của người học.
- Hạn chế đến mức thấp nhất việc tổ chức dạy học thêm tràn lan ngoài nhà trường gây ảnh hưởng không tốt đến uy tín của nhà trường.
- Tạo điều kiện cho nhà trường và gia đình quản lý tốt học sinh ngoài giờ học chính khóa.
- Góp phần giữ vững nền nếp, kỷ cương giáo dục của nhà trường; đảm bảo các quyền lợi của học sinh và trách nhiệm của giáo viên khi tham gia dạy thêm, học thêm.

2. Yêu cầu

- Hoạt động dạy thêm, học thêm phải góp phần củng cố, nâng cao kiến thức kỹ năng, giáo dục nhân cách của học sinh; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và không gây tình trạng vượt quá sức tiếp thu của người học.

- Giáo viên dạy thêm phải đảm bảo tác phong nghiêm túc khi lên lớp, có kế hoạch bài dạy và đã được lãnh đạo trường phê duyệt, nội dung giảng dạy bám sát kiến thức bổ trợ cho các nội dung cốt lõi của môn học, giúp học sinh vận dụng được kiến thức giải quyết các nội dung môn học.

- Lãnh đạo trường thường xuyên kiểm tra giờ dạy của giáo viên (theo phân công phụ trách tổ chuyên môn) để đôn đốc, nhắc nhở, chấn chỉnh giáo viên dạy thêm không nghiêm túc, không đảm bảo chất lượng các tiết dạy.

- Thực hiện dạy thêm, học thêm theo nguyên tắc của việc tổ chức dạy thêm học thêm trong nhà trường đảm bảo không cắt giảm nội dung chương trình giáo dục phổ thông chính khóa để đưa vào giờ dạy thêm, không dạy thêm trước những nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông chính khóa. Giáo viên không được dạy thêm ngoài nhà trường đối với những học sinh đang học sinh khoá trên lớp.

- Đối tượng học thêm là học sinh có nhu cầu học thêm, tự nguyện học thêm và được gia đình đồng ý; không dùng bất cứ hình thức nào để ép buộc gia đình học sinh và học sinh học thêm.

- Không tổ chức dạy thêm, học thêm theo các lớp học chính khoá; học sinh trong cùng một lớp dạy thêm, học thêm phải có năng lực học tập tương đương nhau; khi xếp học sinh vào các lớp dạy thêm, học thêm phải căn cứ vào kết quả học tập của học sinh.

- Thực hiện đúng theo hướng dẫn tại Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định quy định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định và Công văn số 798/SGDĐT-GDTrH ngày 6/5/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định.

III. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC

1. Thành lập Ban quản lý dạy thêm, học thêm.

2. Triển khai các văn bản quy định dạy thêm, học thêm của cấp trên.

- Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT, ngày 16/5/2012 của Bộ GDĐT về việc Ban hành quy định về dạy thêm, học thêm;

- Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT, ngày 26/8/2019 của Bộ GDĐT về việc Công bố hết hiệu lực các điều 6,8,9,10,11,12,13,14 của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm;

- Công văn 798/SGDĐT-GDTrH, ngày 06/5/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định về việc hướng dẫn thực hiện tổ chức và quản lý dạy thêm, học thêm trong nhà trường;

- Công văn số 2111/SGDDĐT-GDTrH ngày 08/8/2024 của Sở Giáo dục Đào tạo Bình Định về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025;

- Công văn số 2460/SGDDĐT-GDTrH ngày 26/9/2023 của Sở GDĐT về việc tăng cường quản lý hoạt động dạy học trong nhà trường.

3. Triển khai quy chế hoạt động, kế hoạch làm việc của Ban Quản lý dạy thêm, học thêm của trường đến giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và chính quyền các địa phương có học sinh theo học tại trường.

4. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, ban ngành trong và ngoài nhà trường cùng quản lý việc dạy thêm, học thêm của giáo viên và học sinh trong nhà trường.

5. Phổ biến các biểu mẫu trong hồ sơ xin dạy thêm, học thêm.

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Đội ngũ giáo viên giảng dạy

- Giáo viên dạy thêm là giáo viên cơ hữu của trường; đa số có nhiều năm công tác, có kinh nghiệm giảng dạy bộ môn phụ trách

- Tổng số giáo viên có đăng kí dạy thêm: 73 người, trong đó:

Môn Toán 11; môn Ngữ văn 10; môn Tiếng Anh 9; môn Vật lý và Công nghệ 9; môn Hoá học 6; môn Sinh học và Công nghệ 3; môn Lịch sử 4; môn Địa lý 4; môn GDKT&PL 3; môn Tin 4

Stt	Họ và tên giáo viên	Trình độ	Môn dạy	Lớp dạy	Ghi chú
1	Tôn Viết Ưu	Thạc sĩ	Toán	12	
2	Nguyễn Công Nhã	Thạc sĩ	Toán	12	
3	Đình Công Thi	Đại học	Toán	11,12	
4	Tổng Văn Nguyên	Đại học	Toán	11,12	
5	Đặng Ngọc Chương	Đại học	Toán	11,12	
6	Cao Minh Hiếu	Đại học	Toán	10,12	
7	Đỗ Văn Minh	Đại học	Toán	10,11	
8	Nguyễn Nhật Tân	Thạc sĩ	Toán	10,12	
9	Võ Thị Hồng Hân	Thạc sĩ	Toán	11,12	
10	Đỗ Thị Kim Huệ	Thạc sĩ	Toán	10,11	
11	Nguyễn Phạm Tú Uyên	Thạc sĩ	Toán	10,11	
12	Võ Thị Phượng	Đại học	Ngữ văn	11,12	
13	Trần Thị Minh Trang	Đại học	Ngữ văn	11,12	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Đại học	Ngữ văn	10,12	
15	Đoàn Thị Hồng Nhung	Đại học	Ngữ văn	10,11	
16	Lê Văn Tuấn	Thạc sĩ	Ngữ văn	11,12	
17	Huỳnh Thị Thuý	Đại học	Ngữ văn	10,11	
18	Dương Thị Cúc	Đại học	Ngữ văn	10,12	
19	Trần Thị Thanh Thiên	Thạc sĩ	Ngữ văn	10,12	
20	Đỗ Thị Ý	Đại học	Ngữ văn	10,12	
21	Huỳnh Thị Mỹ Tiếp	Đại học	Ngữ văn	10,11	

ĐẠO
TR
JNG H
NG
02

22	Lê Thị Thu Thủy	Thạc sĩ	Tiếng Anh	10,12	
23	Phùng Thị Xuân Trang	Thạc sĩ	Tiếng Anh	12	
24	Huỳnh Thị Mỹ Bình	Đại học	Tiếng Anh	11,12	
25	Nguyễn Văn Bông	Đại học	Tiếng Anh	10	
26	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Đại học	Tiếng Anh	11,12	
27	Nguyễn Thị Ngọc Sâm	Đại học	Tiếng Anh	10,12	
28	Phạm Phương Trang	Đại học	Tiếng Anh	11,12	
29	Phạm Thị Tuyết Trinh	Đại học	Tiếng Anh	10,11	
30	Đỗ Thị Mỹ Thạch	Đại học	Tiếng Anh	11	
31	Lê Thanh Nhân	Thạc sĩ	Vật lý	11	
32	Nguyễn Văn Minh	Thạc sĩ	Vật lý	11,12	
33	Phan Văn Cao	Đại học	Vật lý	10,12	
34	Hồ Văn Đoạt	Đại học	Vật lý	10,11	
35	Nguyễn Văn Hồ	Đại học	Vật lý	10,11	
36	Trần Đình Nhơn	Đại học	Vật lý	11,12	
37	Đặng Văn Quang	Đại học	Vật lý	10,12	
38	Nguyễn Thị Kim Anh	Đại học	Vật lý	10,11	
39	Võ Thị Kim Thoa	Thạc sĩ	Vật lý	10,11	
40	Đình Trọng Hiếu	Thạc sĩ	Tin học	11,12	
41	Nguyễn Lê Bích Hà	Đại học	Tin học	11,12	
42	Trần Đức Huy	Đại học	Tin học	10,11	
43	Trần Thị Thanh Chuyên	Đại học	Tin học	10,11	
44	Nguyễn Triết	Thạc sĩ	Sinh học	10,12	
45	Nguyễn Thị Trà	Đại học	Sinh học	10,11	
46	Nguyễn Thị Thanh Thùy	Đại học	Sinh học	10,12	
47	Lê Thị Kiều Oanh	Đại học	Hoá học	11,12	
48	Lê Thị Chép	Thạc sĩ	Hoá học	11,12	
49	Đặng Ngọc Tình	Đại học	Hoá học	10,12	
50	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Thạc sĩ	Hoá học	10,11	
51	Trần Thị Huân	Đại học	Hoá học	10,12	
52	Võ Thị Hoa Trâm	Thạc sĩ	Hoá học	10,11	
53	Trần Đình Toàn	Đại học	Địa lý	11,12	
54	Đặng Ngọc Thủy Trâm	Thạc sĩ	Địa lý	10,12	
55	Trương Thị Hiền	Đại học	Địa lý	11,12	
56	Hồ Thị Hiền Nhung	Đại học	Địa lý		
57	Nguyễn Đức Thọ	Đại học	Lịch sử	11,12	
58	Trần Thị Yên	Đại học	Lịch sử		
59	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Đại học	Lịch sử	10,11	
60	Huỳnh Thị Mỹ Nhiệm	Thạc sĩ	Lịch sử	10,11,12	
61	Đỗ Thị Hồng	Đại học	KT&PL	10,12	
62	Võ Minh Cường	Đại học	KT&PL	11,12	
63	Nguyễn Đỗ Ý Quyên	Thạc sĩ	KT&PL	10,11,12	

2. Phân hoá học sinh theo năng lực và trình độ

Khối 10: Cơ sở để phân hoá trình độ học sinh: phân hoá theo điểm đầu vào lớp 10, theo nguyện vọng lựa chọn các nhóm môn học, các chuyên đề học tập và 3 môn Toán – Văn - Tiếng Anh.

Môn Kết quả	Toán	Văn	Anh	Lý	Hoá	Sinh	Sử	Địa	KTPL	Tin	CN
Tốt, Khá											
Đạt											
Chưa đạt											
TC											

Khối 11: Cơ sở để phân hoá trình độ học sinh: phân hoá theo kết quả học tập lớp 10, theo nguyện vọng lựa chọn các nhóm môn học, các chuyên đề học tập và 3 môn Toán – Văn - Tiếng Anh.

Môn Kết quả	Toán	Văn	Anh	Lý	Hoá	Sinh	Sử	Địa	KTPL	Tin	CN
Tốt, Khá	230	309	331	277	267	172	457	187	271	280	162
Đạt	232	207	171	113	124	43	60	61	29	26	50
Chưa đạt	56	2	16	1	5	2	1	1	1	0	0
TC	518	518	518	391	396	217	518	249	301	306	212

Khối 12: Cơ sở để phân hoá trình độ học sinh: phân hoá theo kết quả học tập lớp 11, theo nguyện vọng lựa chọn các nhóm môn học và 3 môn Toán - Văn - Tiếng Anh.

Môn Kết quả	Toán	Văn	Anh	Lý	Hoá	Sinh	Sử	Địa	KTPL	Tin	CN
Tốt, Khá	323	437	507	328	374	104	556	294	398	357	255
Đạt	234	171	101	150	30	16	54	92	1	5	34
Chưa đạt	55	4	4	16	0	0	0	2	0	0	0
TC	612	612	612	494	404	120	612	388	399	362	289

3. Địa điểm và cơ sở vật chất

- Trường THPT Nguyễn Du (185 Bà Triệu, KP Thiện Đức, P Hoài Hương);
- Cơ sở vật chất đảm bảo đủ số phòng và số chỗ ngồi cho học sinh để tổ chức giảng dạy; mỗi phòng đều đảm bảo hệ thống quạt và đèn chiếu sáng để thực hiện dạy và học của giáo viên và học sinh.

4. Tổ chức lớp học

Căn cứ theo môn học bắt buộc và môn học lựa chọn và nhu cầu đăng ký học thêm của phụ huynh và học sinh, nhà trường biên chế các lớp học thêm theo năng lực về học tập

của học sinh và phân công giáo viên giảng dạy phù hợp. Khối 10, 11 khi đủ điều kiện, nhà trường sẽ tổ chức DTHT theo quy định hiện hành.

Khối 10: Mỗi học sinh chọn tối đa 5 môn để học, mỗi môn học 2 tiết

Stt	Lớp	Các môn học lựa chọn	Dự kiến môn học thêm	Số tiết
1	10A1	Lý - Hoá - Sinh - CNCN	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Sinh.	10
2	10A2	Lý - Hoá - Sinh - CNCN	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Sinh.	10
3	10A3	Hóa - Sinh - Địa - Tin	Toán, Văn, Anh, Hóa, Sinh, Địa.	10
4	10A4	Lý - Hóa - KT&PL - Tin	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Tin.	10
5	10A5	Lý - Hóa - KT&PL - Tin	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Tin.	10
6	10A6	Lý - Hóa - KT&PL - Tin	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Tin.	10
7	10A7	Lý - Hóa - KT&PL - Tin	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Tin.	10
8	10A8	Hóa - Sinh - Địa - Tin	Toán, Văn, Anh, Hóa, Địa, Tin.	10
9	10A9	Hóa - Sinh - Địa - Tin	Toán, Văn, Anh, Hóa, Địa, Sinh.	10
10	10A10	Lý - Địa - KT&PL - CNCN	Toán, Văn, Anh, Lý, Địa, KT&PL	10
11	10A11	Lý - Địa - KT&PL - CNCN	Toán, Văn, Anh, Lý, Địa, KT&PL	10
12	10A12	Lý - Địa - KT&PL - CNCN	Toán, Văn, Anh, Lý, Địa, KT&PL	10

Khối 11: Mỗi học sinh chọn tối đa 5 môn để học, mỗi môn học 2 tiết

Stt	Lớp	Các môn học lựa chọn	Dự kiến môn học thêm	Số tiết
1	11A1	Lý - Hoá - Sinh - CNCN	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Sinh.	10
2	11A2	Lý - Hoá - Sinh - CNCN	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Sinh.	10
3	11A3	Hóa - Sinh - Địa - Tin	Toán, Văn, Anh, Hóa, Sinh, Địa.	10
4	11A4	Lý - Hóa - KT&PL - Tin	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Tin.	10
5	11A5	Lý - Hóa - KT&PL - Tin	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Tin.	10
6	11A6	Lý - Hóa - KT&PL - Tin	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Tin.	10
7	11A7	Lý - Hóa - KT&PL - Tin	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Tin.	10
8	11A8	Hóa - Sinh - Địa - Tin	Toán, Văn, Anh, Hóa, Địa, Tin.	10
9	11A9	Hóa - Sinh - Địa - Tin	Toán, Văn, Anh, Hóa, Địa, Sinh.	10
10	11A10	Lý - Địa - KT&PL - CNCN	Toán, Văn, Anh, Lý, Địa, KT&PL	10
11	11A11	Lý - Địa - KT&PL - CNCN	Toán, Văn, Anh, Lý, Địa, KT&PL	10
12	11A12	Lý - Địa - KT&PL - CNCN	Toán, Văn, Anh, Lý, Địa, KT&PL	10

Khối 12: Mỗi học sinh chọn tối đa 5 môn để học, mỗi môn học 2 tiết

Stt	Lớp	Các môn học lựa chọn	Dự kiến môn học thêm	Số tiết
1	12A1	Lý - Hoá - Địa - Tin học	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Địa.	10
2	12A2	Lý - Hoá - Địa - Tin học	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Địa.	10
3	12A3	Hóa - Sinh - Địa - C>NNN	Toán, Văn, Anh, Hóa, Sinh, Địa.	10
4	12A4	Lý - Hóa - KT&PL - Tin học	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Tin.	10
5	12A5	Lý - Hóa - KT&PL - Tin học	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Tin.	10
6	12A6	Lý - Hóa - KT&PL - Tin học	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Tin.	10
7	12A7	Lý - Hóa - KT&PL - Tin học	Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Tin.	10
8	12A8	Hóa - Sinh - Địa - Tin học	Toán, Văn, Anh, Hóa, Sinh, Địa.	10

9	12A9	Hóa - Sinh - Tin - CNNN	Toán, Văn, Anh, Hóa, Sinh, Tin.	10
10	12A10	Lý - Địa - KT&PL - CNNN	Toán, Văn, Anh, Lý, Địa, KT&PL	10
11	12A11	Lý - Địa - KT&PL - CNNN	Toán, Văn, Anh, Lý, Địa, KT&PL	10
12	12A12	Lý - Địa - KT&PL - CNNN	Toán, Văn, Anh, Lý, Địa, KT&PL	10
13	12A13	Lý - Địa - KT&PL - CNNN	Toán, Văn, Anh, Lý, Địa, KT&PL	10
14	12A14	Lý - Địa - KT&PL - CNNN	Toán, Văn, Anh, Lý, Địa, KT&PL	10

5. Biên chế lớp học theo năng lực

Khối lớp	Học tập			Tổng cộng
	Tốt- Khá	Đạt	Chưa đạt	
10	3 lớp	7 lớp	2 lớp	12 lớp
11	4 lớp	6 lớp	2 lớp	12 lớp
12	6 lớp	5 lớp	3 lớp	12 lớp

Số lượng học sinh mỗi lớp từ 30 đến 45 học sinh

6. Thời gian tổ chức dạy thêm: Ngày 30 tháng 9 năm 2024.

a) Khối 10: Học thêm vào buổi sáng, thời gian vào lớp 7h và kết thúc 10h25. Khối 11, 12 học thêm vào buổi chiều, thời gian vào lớp 13h50 và kết thúc 17h15.

b) Khối 10 và khối 11, nhà trường sẽ tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường sau khi tổ chức dạy thêm, học thêm khối 12 (nếu đủ điều kiện).

c) Học sinh có nhu cầu học thêm, nộp đơn đăng ký học thêm (có ký xác nhận đồng ý của CMHS/người giám hộ) cho nhà trường trước khi tổ chức dạy thêm.

d) Nhà trường phân công giáo viên giảng dạy, sau khi học sinh đăng ký học thêm và giáo viên đã nộp đơn đăng ký dạy thêm cho nhà trường.

e) Mỗi buổi học không quá 4 tiết; mỗi tuần học không quá 3 buổi.

f) Không tổ chức dạy thêm, học thêm các ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ do Nhà nước quy định.

7. **Thời khóa biểu:** Thống nhất trong toàn trường dưới sự kiểm tra, giám sát của bộ phận chuyên môn và Ban nề nếp DTHT.

8. **Phân phối chương trình:** Nội dung chương trình DTHT được thống nhất từ tổ, nhóm chuyên môn được sự phê duyệt của Lãnh đạo (Phó Hiệu trưởng) và triển khai đến tất cả VC, NLĐ và CMHS của nhà trường.

9. Lịch dạy dạy thêm, học thêm lớp 12:

a) **Học kỳ 1:** Từ ngày 30/9/2024 đến ngày 18/01/2025 (12 tuần). Cụ thể:

+ Từ ngày 30/9/2024 đến ngày 19/10/2024 (học 03 tuần)

+ Từ ngày 21/10/2024 đến ngày 26/10/2024 (nghỉ để học sinh chuẩn bị KTGKI)

+ Từ ngày 28/10/2024 đến ngày 02/11/2024 kiểm tra giữa học kỳ I

- + Từ ngày 04/11/2024 đến ngày 21/12/2024 (học 07 tuần)
- + Từ ngày 23/12/2024 đến ngày 28/12/2024 (nghỉ để học sinh chuẩn bị KTCKI)
- + **Từ ngày 30/12/2024 đến ngày 04/1/2025 kiểm tra cuối học kỳ I**
- + Từ ngày 06/1/2025 đến ngày 18/1/2025 (học 02 tuần)
- + Nghỉ tết Âm lịch dự kiến từ ngày 27/1/2025 đến ngày 01/2/2025
- b) Học kỳ 2:** Từ ngày 10/2/2025 đến ngày 26/4/2025 (9 tuần). Cụ thể:
 - + Từ ngày 10/2/2025 đến ngày 22/2/2025 (học 02 tuần)
 - + Từ ngày 24/2/2025 đến ngày 01/3/2025 (nghỉ để học sinh chuẩn bị KTGKII)
 - + **Từ ngày 03/3/2025 đến ngày 08/3/2025 kiểm tra giữa học kỳ II**
 - + Từ ngày 10/3/2025 đến ngày 26/4/2025 (học 07 tuần)
 - + Từ ngày 28/4/2025 đến ngày 03/5/2025 (nghỉ để học sinh chuẩn bị KTCKII)
 - + **Từ ngày 05/5/2025 đến ngày 10/5/2025 kiểm tra cuối học kỳ II**
- c) Giai đoạn ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2025:**
 Từ ngày 12/5/2025 đến ngày 21/6/2025 (6 tuần), có kế hoạch ôn thi riêng.

10. Tổng hợp phân công dạy thêm lớp 12 năm học 2024-2025

Stt	Họ và tên giáo viên	Lớp	Ghi chú
1	Đặng Ngọc Chương	Toán 1 +Toán 8	
2	Nguyễn Nhật Tân	Toán 2 +Toán 11+Toán 14	
3	Đình Công Thi	Toán 3 +Toán 4 + Toán 12	
4	Tôn Viết Ưu	Toán 5	
5	Nguyễn Công Nhã	Toán 6	
6	Võ Thị Hồng Hân	Toán7+ Toán 10	
7	Cao Minh Hiếu	Toán 9	
8	Tổng Văn Nguyên	Toán 13	
9	Đỗ Thị Ý	Văn 1 + Văn 11	
10	Võ Thị Phượng	Văn 2+ Văn 10	
11	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Văn 3 + Văn 14	
12	Dương Thị Cúc	Văn 4 +Văn 8	
13	Trần Thị Thanh Thiên	Văn 5 + Văn 12	
14	Trần Thị Minh Trang	Văn 6 + Văn 9	
15	Lê Văn Tuấn	Văn 7 + Văn 13	
16	Phùng Thị Xuân Trang	Anh 1 + Anh 9 + Anh 13	
17	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Anh 2 + Anh 10	
18	Nguyễn Thị Ngọc Sâm	Anh 3 + Anh 11	
19	Lê Thị Thu Thủy	Anh 4 + Anh 6 + Anh 14	
20	Phạm Phương Trang	Anh 5 + Anh 8	
21	Huỳnh Thị Mỹ Bình	Anh 7 + Anh 12	
22	Nguyễn Văn Minh	Lí 1+ Lí 2	

23	Phan Văn Cao	Lí 3 + Lí 4	
24	Trần Đình Nhơn	Lí 5	
25	Đặng Văn Quang	Lí 6 + Lí 7	
26	Lê Thị Kiều Oanh	Hoá 1	
27	Lê Thị Chép	Hoá 2	
28	Đặng Ngọc Tinh	Hoá 3	
29	Trần Thị Huân	Hoá 4 + Hoá 5	
30	Nguyễn Triết	Sinh 1	
31	Trần Đình Toàn	Địa 1	
32	Đặng Ngọc Thùy Trâm	Địa 2 + Địa 3	
33	Trương Thị Hiền	Địa 4	
34	Nguyễn Đức Thọ	Sử 1	
35	Lê Văn Thiên	Sử 2	
36	Đỗ Thị Hồng	KTPL 1 + KTPL 2	
37	Võ Minh Cường	KTPL 3 + KTPL 4	
38	Nguyễn Đỗ Ý Quyên	KTPL 5	

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Thành phần Ban quản lý DTHT: Gồm Lãnh đạo, Đại diện: Công đoàn, Đoàn TN, Ban TTr ND; Thư ký Hội đồng, Tổ trưởng chuyên môn, Kế toán và Thủ quỹ.

2. Nhiệm vụ của Ban quản lý DTHT và phục vụ DTHT: (theo quyết định phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng)

Lưu ý: Ban quản lý DTHT sẽ phối hợp với chính quyền địa phương quản lý chuyên môn giáo viên, học sinh tham gia dạy thêm học thêm ngoài nhà trường.

VI. TRIỂN KHAI, PHỐI HỢP THỰC HIỆN

1. Triển khai các văn bản

- Triển khai các văn bản của Bộ GDĐT, Sở GDĐT và các văn bản của thị xã, nhà trường trong VC, NLĐ và CMHS về DTHT trong nhà trường theo quy định hiện hành.

- Thảo luận về các văn bản trong Ban quản lý DTHT và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho mỗi cá nhân.

- Phổ biến kế hoạch quản lý dạy thêm, học thêm cho các lớp thông qua GVCN.

2. Phối hợp với địa phương và Ban Đại diện hội CMHS

- Ban quản lý DTHT liên hệ với UBND các xã trong địa bàn để phối hợp quản lý việc DTHT của giáo viên và học sinh ngoài nhà trường theo quy định hiện hành.

- Phối hợp với Hội CMHS: Trưởng ban DTHT làm việc trực tiếp với ban đại diện CMHS về công tác DTHT trong nhà trường.

3. Các thành viên trong Ban quản lý DTHT

Tiếp nhận thông tin phải báo cáo cho Trưởng ban quản lý DTHT để có kế hoạch xử lý; Quản lý, kiểm tra việc DTHT trong nhà trường theo phân công của Trưởng ban.

VII. KINH PHÍ

1. Thu học phí: Theo Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Quy định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Mức thu: 8.000 đồng/tiết (Hiệu trưởng thỏa thuận với CMHS).

2. Các khoản chi: Thực hiện theo Quy chế CTNB năm 2024 (đã được Sở GDĐT phê duyệt).

- Mức chi: sau khi chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2%, quy ra 100% cụ thể như sau:

+ 75% Chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy;

+ 10% Chi bồi dưỡng quản lý, tài chính, thủ quỹ, bộ phận đôn đốc, nhắc nhở HS nộp học phí, Ban quản lý dạy thêm. Trong 10% tiền quản lý phân thành 100 phần được phân bổ như sau:

Hiệu trưởng: 22%; Phó Hiệu trưởng: $13\% \times 2 = 26\%$; Thư ký hội đồng: 2%; Kế toán: 10%; Thủ quỹ: 7%; Bộ phận đôn đốc, nhắc nhở: 15%; Ban nề nếp, văn thư: 14%, Bảo vệ: 4%.

+ 15% phần còn lại chi cơ sở vật chất, điện, nước. Nếu còn kinh phí sẽ trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng - Lê Thanh Nhân

- Phụ trách chung, chịu trách nhiệm toàn diện công tác DTHT trong nhà trường;
- Ban hành các quyết định, kế hoạch liên quan công tác DTHT trong nhà trường;
- Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch, nhân lực và chỉ đạo công tác thu, chi DTHT;
- Tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm công tác DTHT trong nhà trường;

2. Phó Hiệu trưởng - Tôn Viết Ưu

- Chỉ đạo tổ/nhóm bộ môn (Ngữ văn, Sử-Địa-KT&PL) xây dựng kế hoạch, chương trình, tài liệu DTHT;
- Kiểm tra, phê duyệt chương trình, tài liệu DTHT các tổ/nhóm bộ môn Ngữ văn, Sử-Địa-KT&PL;
- Chỉ đạo công tác vệ sinh, y tế học đường phục vụ công tác DTHT;
- Quản lý DTHT của tổ/nhóm bộ môn được phân công;
- Trực kiểm tra DTHT thứ 2, thứ 4 và thứ 6.

3. Phó Hiệu trưởng - Nguyễn Công Nhã

- Chỉ đạo tổ/nhóm bộ môn (Toán, Tiếng Anh, Lý-Tin-CNCN, Hóa-Sinh-CNNN) xây dựng kế hoạch, chương trình, tài liệu DTHT;

- Kiểm tra, phê duyệt chương trình, tài liệu DTHT các tổ/nhóm bộ môn Toán, Tiếng Anh, Lý-Tin-CNCN, Hóa-Sinh-CNNN.

- Phụ trách nề nếp, an ninh của giáo viên và học sinh trong quá trình DTHT.

- Tổ chức lấy tín nhiệm của học sinh đối với các giáo viên tham gia dạy thêm.

- Chỉ đạo công tác cơ sở vật chất phục vụ công tác DTHT.

- Quản lý DTHT của tổ/nhóm bộ môn được phân công.

- Phụ trách hồ sơ DTHT, thời khóa biểu, kế hoạch, nội dung, chương trình dạy thêm, tổng hợp dạy thêm theo tháng, học kỳ; trực kiểm tra DTHT thứ 3, thứ 5 và thứ 7.

2. Tổ trưởng chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch DTHT, PPCT DTHT của tổ;

- Quản lý, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện DTHT của GV; phê duyệt kế hoạch bài dạy (Giáo án), kế hoạch của GV (PPCT DTHT của GV);

- Theo dõi, kiểm tra giáo viên thực hiện kế hoạch DTHT bộ môn mình phụ trách;

- Tham gia tham mưu điều phối lực lượng giáo viên tham gia DTHT;

- Tham gia công tác lấy tín nhiệm của học sinh đối với các giáo viên tham gia DTHT.

3. Giáo viên bộ môn

- Giáo viên có nguyện vọng dạy thêm trong nhà trường phải có Đơn đăng ký dạy thêm;

- Cam kết với nhà trường việc hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ của GV theo quy định chung và các nhiệm vụ khác do nhà trường phân công; thực hiện nghiêm túc các quy định về DTHT trong nhà trường.

4. Học sinh

- Học sinh có nguyện vọng học thêm trong nhà trường phải viết đơn gửi nhà trường; CMHS (người giám hộ) trực tiếp ký vào đơn xin học thêm (theo mẫu của nhà trường) và chịu trách nhiệm thực hiện cam kết;

- Hiệu trưởng nhà trường (Phó Hiệu trưởng được phân công, ủy quyền) tổ chức phân nhóm/lớp, phân công GV giảng dạy theo nhóm/lớp DTHT theo kế hoạch.

5. Các Đoàn thể

- Tuyên truyền, phối hợp cùng lãnh đạo nhà trường tổ chức quản lý, kiểm tra việc DTHT, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường;

- Ban Thanh tra nhân dân có kế hoạch kiểm tra công tác thu, chi DTHT (khi có yêu cầu).

6. Ban nề nếp

- Phân công lịch trực, tăng cường kiểm tra nề nếp, tác phong HS trong công tác DTHT; cùng với lực lượng bảo vệ bảo đảm an ninh cho học sinh, giáo viên;

- Thu, lưu trữ, bảo quản hồ sơ DTHT theo quy định.

7. Đối với kế toán, thủ quỹ

- Thực hiện thu, chi DTHT đúng quy định, kịp thời;

- Đảm bảo công khai, minh bạch công tác thu, chi DTHT theo quy định hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch dạy thêm, học thêm trong nhà trường năm học 2024-2025 của Trường THPT Nguyễn Du. Đề nghị các tổ chức, đoàn thể, bộ phận và cá nhân liên quan phối hợp, nghiêm túc thực hiện. Kế hoạch có thể điều chỉnh cho phù hợp với thực tế của nhà trường./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Bình Định (báo cáo);
- Ban quản lý DTHT; Ban ĐD CMHS;
- Tổ CM/NV-GV, NV;
- Đăng lên website trường;
- Lưu: VT, VP.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thanh Nhân